TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang.

2. Ông Nguyễn Hữu Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Quế Linh, cán bộ Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Diệu Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy L; sinh ngày: 17/12/1976;

Số Căn cước công dân: 07917600xxxx, do Cục trưởng Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 07/4/2016

Địa chỉ thường trú: 295A/12 Ấp X, xã A, huyện B, Thành phố H (nay là 295A/12 Ấp Z, xã B, Thành phố H).

Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh Tuấn Đ; sinh ngày 13/01/1975;

Số Chứng minh nhân dân: 023229xxx;

Địa chỉ thường trú: 121/21/14D K, phường A, quận B, Thành phố H (nay là 121/21/14D K, phường A, Thành phố H);

Địa chỉ tạm trú: Số 2 D, phường A, quận B, Thành phố H (nay là Số 2 D, phường A, Thành phố H).

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2025 của bà Lê Thị Thùy L, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Lê Thị Thùy L là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Minh Tuấn Đ có thời gian tìm hiểu mới tự nguyện tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/97, ngày 07 tháng 01 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B (nay là phường A, Thành phố H).

Trong thời gian sống chung ông bà nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà và ông Đ đã ly thân từ năm 2021, không còn chung sống với nhau. Nay bà Lê Thị Thùy L xác định mục đích hôn nhân không đạt được và tình cảm giữa hai người không còn nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống. Do bận công việc, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trần Minh Tuấn C, sinh ngày 24/12/1997 (đã thành niên) và Trần Phúc Hạnh N, sinh ngày 31/7/2011. Bà Lê Thị Thùy L yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Huy.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Thùy L không yêu cầu ông Trần Minh Tuấn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thùy L tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Trần Minh Tuấn Đ là bị đơn vắng mặt không có lý do nên không trình bày ý kiến.

Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Riêng thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã từ chối quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; về con chung: Trần Minh Tuấn C, sinh ngày 24/12/1997 đã thành niên nên không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Phúc Hạnh N, sinh ngày 31/7/2011 cho bà L nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho trẻ và đúng nguyện vọng của trẻ; về cấp dưỡng nuôi con: bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: bà L xác nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét qua đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Bị đơn ông Trần Minh Tuấn Đ có nơi cư trú tại Số 2 D, phường A, quận B, Thành phố H (nay là phường A, Thành phố H). Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực X - Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Thùy L có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Minh Tuấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông Đ là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập ông Trần Minh Tuấn Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ không đến Tòa. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/97, ngày 07 tháng 01 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B (nay là phường A, Thành phố H) cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc tự nguyện kết hôn nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét qua yêu cầu xin ly hôn bà Lê Thị Thùy L đối với ông Trần Minh Tuấn Đ. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L, ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài từ năm 2021 và hai bên đã sống ly thân với nhau. Nguyên nhân do ông bà bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng gia đình bà L, ông Đ không thực hiện được. Tòa án cũng đã triệu tập ông Đ để ông thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà L. Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, nay tình trạng mâu thuẫn của đôi bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Đ, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[5] Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trần Minh Tuấn C, sinh ngày 24/12/1997 (đã thành niên) và Trần Phúc Hạnh N, sinh ngày 31/7/2011.

Đối với con chung tên Trần Minh Tuấn C, sinh ngày 24/12/1997 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Trần Phúc Hạnh N. Xét thấy, bà L hiện đang nuôi dưỡng trẻ Trần Phúc Hạnh N, trẻ Trần Phúc Hạnh N là con gái, rất cần sự chăm chóc, gần gũi, dạy dỗ của người mẹ, trẻ Trần Phúc Hạnh N cũng có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng. Mặt khác, ông Đ vắng mặt trong phiên hòa giải và xét xử nên Tòa không ghi nhận được ý kiến của ông về vấn đề con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như sự phát triển của con nên việc giao con chung Trần Phúc Hạnh N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng khi bà L và ông Đ ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thùy L không yêu cầu ông Trần Minh Tuấn Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thùy L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Lê Thị Thùy L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thùy L đối với ông Trần Minh Tuấn Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy L được ly hôn với ông Trần Minh Tuấn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/97, ngày 07 tháng 01 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B (nay là phường A, Thành phố H) cấp cho bà Lê Thị Thùy L và ông Trần Minh Tuấn Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Trần Minh Tuấn C, sinh ngày 24/12/1997 (đã thành niên) và Trần Phúc Hạnh N, sinh ngày 31/7/2011.

Chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà Lê Thị Thùy L.

Giao cho bà Lê Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Phúc Hạnh N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Thùy L không yêu cầu ông Trần Minh Tuấn Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà L cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Đ.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thùy L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thùy L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0076682 ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực X), Thành phố H. Bà Lê Thị Thùy L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực X, TP. H;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh